

SỔ TAY VĂN BẢN PHÁP LUẬT

SỐ 36

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Năm 2020 – Tập II

Nội dung

	<i>Trang</i>
Phần I. Lưu ý khi quyết toán thuế năm 2020	03
Phần II. Các luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021	07
Phần III. Tóm lược các văn bản pháp quy đã ban hành trong 6 tháng cuối năm 2020	
1. Thuế GTGT	10
2. Thuế TNDN	13
3. Thuế TNCN	15

Sổ tay này chỉ có giá trị thông tin và tổng hợp. Trong trường hợp áp dụng cụ thể bạn đọc phải căn cứ vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật tương ứng hoặc sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của AAC

Viết tắt

CP
Chính phủ

TTCP
Thủ tướng Chính phủ

BTC
Bộ Tài chính

BCT
Bộ Công thương

BLDTBXH
Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội

NHNN
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

TCT
Tổng Cục thuế

Thuế GTGT
Thuế Giá trị gia tăng

Thuế TNDN
Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNCN
Thuế thu nhập cá nhân

NĐ
Nghị định

TT
Thông tư

QĐ
Quyết định

CV
Công văn

PHẦN I. LƯU Ý KHI QUYẾT TOÁN THUẾ NĂM 2020

QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN NĂM 2020

Năm 2020, trong bối cảnh dịch Covid-19 lan rộng và gây nhiều khó khăn cho sản xuất kinh doanh, Chính phủ đã ban hành nhiều giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội... ứng phó với dịch COVID-19, trong đó có các giải pháp liên quan đến chính sách thuế TNDN. Ngoài ra, năm 2020, các Nghị định hướng dẫn Luật quản lý thuế, Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý thuế đối với giao dịch liên kết chính thức được ban hành và có hiệu lực thi hành, nghĩa vụ thuế TNDN năm 2020 của các doanh nghiệp có những thay đổi tương ứng.

Để thuận tiện cho quý khách hàng trong việc quyết toán thuế TNDN cho năm tài chính 2020, chúng tôi xin tổng hợp một số điểm cần lưu ý thêm trong năm 2020 như sau:

1. Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị quyết 116/2020/QH14 và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP

Về nguyên tắc xác định doanh thu làm căn cứ xác định đối tượng áp dụng được giảm thuế

Tổng doanh thu năm 2020 bao gồm toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng theo quy định của pháp luật về thuế TNDN hiện hành.

Đối với doanh nghiệp trong kỳ tính thuế TNDN năm 2020 hoạt động không đủ 12 tháng thì tổng doanh thu năm 2020 được xác định bằng tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế TNDN năm 2020 chia (:) cho số tháng doanh nghiệp thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhân (x) với 12 tháng.

Về số thuế được giảm

Được tính trên toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản thu nhập như thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, thăm dò, khai thác dầu khí... quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Về kỳ tính thuế

Được xác định theo năm dương lịch, trường hợp doanh nghiệp áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch thì kỳ tính thuế xác định theo năm tài chính.

Trường hợp kỳ tính thuế năm đầu tiên (2019) hoặc kỳ tính thuế năm cuối cùng (2021) có thời gian ngắn hơn 03 tháng thì được cộng với kỳ tính thuế năm 2020 để hình thành một kỳ tính thuế TNDN. Việc xác định tổng doanh thu và số thuế được giảm trong trường hợp này chỉ áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2020 (12 tháng).

Về kê khai giảm thuế

Doanh nghiệp tự xác định số thuế TNDN được giảm khi tạm nộp hàng quý và khi kê khai thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế 2020. Khi lập hồ sơ khai thuế, doanh nghiệp kê khai số thuế được giảm trên các mẫu tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) và trên Phụ lục thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ban hành kèm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP.

Trường hợp doanh nghiệp khai bổ sung hồ sơ khai thuế TNDN của kỳ tính thuế năm 2020 hoặc thực hiện quyết định sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền làm tăng số thuế TNDN phải nộp thì số thuế tăng thêm được giảm 30%.

2. Chi phí lãi vay đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

Chi phí lãi vay được trừ và không được trừ

- Tăng ngưỡng khống chế chi phí lãi vay từ 20% lên 30% của tổng lợi nhuận thuần cộng chi phí lãi vay và khấu hao (EBITDA). Ngưỡng khống chế chi phí lãi vay áp dụng đối với chi phí lãi vay thuần (tức là chi phí lãi vay sau khi bù trừ doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay khi so sánh với ngưỡng khống chế).
- Chi phí lãi vay vượt ngưỡng khống chế không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo, và được khấu trừ nếu tỷ suất tổng chi phí lãi vay thuần/EBITDA của những năm tiếp theo đó thấp hơn 30%. Thời hạn chuyển tiếp tối đa là 5 năm.
- Theo hướng dẫn của Tổng Cục thuế, trường hợp EBITDA âm mà doanh nghiệp có lãi tiền gửi thì chi phí lãi vay không được trừ bằng (=) tổng chi phí lãi vay – lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Đối với kỳ quyết toán thuế năm 2019

- Đối với các doanh nghiệp đã kê khai quyết toán thuế năm 2019 theo kỳ tính thuế đến hạn trước ngày 31/3/2020 thì thực hiện khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN.
- Đối với các doanh nghiệp chưa đến kỳ kê khai quyết toán thuế năm 2019 thì thực hiện theo quy định mới.

3. Thời điểm xác định doanh thu tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu

Về thuế GTGT, tại Thông tư 119/2014/TT-BTC, ngày xác định doanh thu xuất khẩu hàng hóa để tính thuế GTGT là ngày xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan.

Về thuế TNDN, tại Thông tư 96/2015/TT-BTC, thời điểm ghi nhận doanh thu tính thuế TNDN đối với hàng hóa xuất khẩu và do đó được hiểu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa.

Tuy nhiên, tại Công văn số 5476/BTC-CST ngày 07/05/2020 của Bộ Tài chính, thời điểm ghi nhận doanh thu tính thuế đối với hoạt động xuất khẩu là ngày xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan. Quy định này áp dụng cho cả mục đích tính thuế GTGT và thuế TNDN, hiệu lực từ ngày 1/9/2014 (ngày Thông tư 119/2014/TT-BTC có hiệu lực thi hành).

Các doanh nghiệp cần rà soát lại doanh thu xuất khẩu đã ghi nhận cho mục đích tính thuế theo quy định tại Công văn 5476 nêu trên để có những điều chỉnh phù hợp.

4. Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng hoạt động do ảnh hưởng của dịch COVID -19:

Do ảnh hưởng của dịch COVID -19 dẫn tới nhu cầu thị trường sụt giảm, doanh nghiệp gặp khó khăn phải tạm dừng hoạt động một số tài sản cố định dưới 9 tháng, sau đó tài sản cố định tiếp tục đưa vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì thuộc trường hợp tạm thời dừng do sản xuất theo mùa vụ quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó doanh nghiệp được trích khấu hao tài sản cố định trong thời gian tạm dừng và được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

(CV số 12452/BTC-TCT ngày 09/10/2020)

5. Chi phí cho người lao động trong thời gian cách ly

Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công trả cho người lao động nghỉ trong thời gian giãn cách xã hội, thời gian chờ việc do ảnh hưởng của dịch COVID -19 được tính vào chi phí được trừ cho mục đích thuế TNDN nếu các khoản chi đáp ứng các điều kiện theo quy định.

(CV 89924/CT-TTHT ngày 09/10/2020 của Cục thuế Hà Nội)

Chi phí cách ly cho các chuyên gia nước ngoài tại khách sạn, cơ sở cách ly

Sẽ được tính là chi phí được trừ cho mục đích thuế TNDN nếu:

- có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thanh toán theo quy định; và
- trên hợp đồng lao động giữa Công ty và chuyên gia người nước ngoài có đề cập đến việc Công ty sẽ chi trả tiền nhà ở cho chuyên gia.

Chi phí xét nghiệm COVID-19 cho các chuyên gia:

Được coi là khoản chi mang tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động và được tính là chi phí được trừ cho mục đích thuế TNDN theo mức khống chế nếu thực hiện theo quy định tại Điểm 2.30 Khoản 2 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4, Thông tư 96/2015/TT-BTC).

(CV 5032/TCT-CS ngày 26/11/2020)

6. Ưu đãi thuế TNDN

Thuê ngoài gia công

Trường hợp công ty đáp ứng điều kiện về địa bàn ưu đãi đầu tư có hoạt động thuê công ty khác gia công không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư thì phần thu nhập tương ứng của Công ty không được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện địa bàn ưu đãi đầu tư. ***(CV số 3218/TCT-CS ngày 10/08/2020)***

Thu nhập từ tiền phạt vi phạm hợp đồng không được ưu đãi thuế theo địa bàn

Về nguyên tắc trường hợp doanh nghiệp nhận được các khoản tiền phạt, tiền bồi thường vi phạm hợp đồng, cần phải xét bản chất của các khoản tiền phạt, tiền bồi thường để có chính sách áp dụng phù hợp với từng trường hợp, cụ thể:

Trường hợp Công ty nhận được các khoản hoàn trả từ đối tác, bao gồm khoản chi phí xây dựng phát sinh thêm, thuê nhà thầu phụ để khắc phục hậu quả do đối tác làm sai và khoản thanh toán phần dịch vụ cao vượt mức giá trị mà đối tác đã làm cho Công ty: Nếu Công ty đã tập hợp và hạch toán vào giá trị TSCĐ hình thành trong giai đoạn đầu tư và số tiền thu hồi lại được Công ty đã ghi giảm giá trị tài sản công trình xây dựng thì không xác định là thu nhập khác theo quy định.

Đối với khoản bồi thường thiệt hại mang tính chất bù đắp tổn thất kinh tế do đối tác vi phạm hợp đồng, chậm bàn giao theo tiến độ được xác định là khoản thu nhập không thuộc ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và không thuộc thu nhập phát sinh trên địa bàn ưu đãi đầu tư nên được xác định là khoản thu nhập khác của doanh nghiệp và không được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo quy định.

(CV số 3525/TCT-CS ngày 26/08/2020)

7. Chính sách thuế TNDN đối với chi nhánh hạch toán phụ thuộc

Từ ngày 05/12/2020 (ngày Nghị định số 126/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), trường hợp đơn vị phụ thuộc có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định của pháp luật thuế TNDN thì đơn vị phụ thuộc khai thuế TNDN tại cơ quan thuế nơi có đơn vị phụ thuộc theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Số thuế TNDN phát sinh thực tế tại các địa phương trong thời gian hưởng ưu đãi sẽ được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế tính riêng tại địa phương đó. Trường hợp doanh nghiệp có luân chuyển hàng hóa giữa các chi nhánh hạch toán phụ thuộc để tiếp nối chu trình sản xuất của doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải tính riêng thu nhập chịu thuế của chi nhánh được hưởng ưu đãi thuế TNDN, trong đó doanh thu để tính thuế không bao gồm doanh thu luân chuyển nội bộ của doanh nghiệp, việc ghi nhận chi phí được trừ phải tương ứng với doanh thu tính thuế.

Trong cùng kỳ tính thuế, doanh nghiệp có phát sinh hoạt động kinh doanh bị lỗ, hoạt động kinh doanh có thu nhập thì việc bù trừ vào thu nhập chịu thuế của hoạt động có thu nhập thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 9 Điều 18 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014

(CV số 2756/TCT-CS ngày 07/07/2020)

QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN NĂM 2020

Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 08/12/2020 cùng với việc thay đổi mức giảm trừ gia cảnh, công tác quyết toán thuế TNCN năm 2020 có một số nội dung cần lưu ý như sau:

1. Đối với tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công

Có trách nhiệm khai quyết toán thuế TNCN không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế và quyết toán thuế TNCN thay cho cá nhân có ủy quyền.

Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế TNCN có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống thuộc diện được miễn thuế thì tổ chức trả thu nhập vẫn kê khai thông tin cá nhân tại hồ sơ khai quyết toán thuế nhưng không tổng hợp số thuế phải nộp thêm của các cá nhân đó.

Trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới thì tổ chức mới có trách nhiệm quyết toán thuế TNCN theo ủy quyền của cá nhân đối với cả phần thu nhập do tổ chức cũ chi trả.

2. Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan Thuế

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai quyết toán thuế TNCN với cơ quan thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo.

Cá nhân có mặt tại Việt Nam tính trong năm dương lịch đầu tiên dưới 183 ngày, nhưng tính trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam là từ 183 ngày trở lên thì năm quyết toán đầu tiên là 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam.

Cá nhân là người nước ngoài kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam khai quyết toán thuế với cơ quan thuế trước khi xuất cảnh.

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công đồng thời thuộc diện xét giảm thuế do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế.

3. Ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế TNCN cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập, gồm:

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện việc quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm dương lịch. Các trường hợp điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới cũng được ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức mới.
- Cá nhân ở trường hợp nêu trên nhưng đồng thời có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.
- Cá nhân sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế, tổ chức trả thu nhập đã thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế thì tổ chức trả thu nhập không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: "*Công ty ... đã quyết toán thuế TNCN thay cho Ông/Bà (theo ủy quyền) tại dòng (số thứ tự) ... của Phụ lục Bảng kê 05-1/BK-TNCN*" để cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.

4. Mức giảm trừ gia cảnh

- Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm);
- Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng.
- Mức giảm trừ gia cảnh được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020. Các trường hợp đã tạm nộp thuế theo mức giảm trừ gia cảnh trước đây được xác định lại số thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo mức giảm trừ gia cảnh khi quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2020.

5. Hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN

Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015.

6. Khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN

- Trường hợp tổ chức, cá nhân khai bổ sung không làm thay đổi nghĩa vụ thuế thì chỉ phải nộp Bản giải trình khai bổ sung và các tài liệu có liên quan, không phải nộp Tờ khai bổ sung.
- Trường hợp tổ chức, cá nhân chưa nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm thì người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của tháng, quý có sai, sót, đồng thời tổng hợp số liệu khai bổ sung vào hồ sơ khai quyết toán thuế năm.
- Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm thì:
 - + Đối với cá nhân trực tiếp khai thuế, trực tiếp quyết toán thuế chỉ khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế năm.
 - + Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thì đồng thời phải khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế năm và tờ khai tháng, quý có sai, sót tương ứng.

(CV số 636/TCT-DNNCN ngày 12/03/2021)

ÁP DỤNG LUẬT QUẢN LÝ THUẾ

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2020. Dự thảo Thông tư hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Quản lý thuế mới và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP đang trong giai đoạn lấy ý kiến. Trong thời gian Thông tư chưa ban hành và chưa phát sinh hiệu lực, một số Thông tư dưới đây vẫn có hiệu lực thi hành:

- Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 hướng dẫn về quản lý thuế.

- Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 về thuế GTGT và thuế TNCN.
- Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP.
- Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và quản lý thuế

Các quy định tại các Thông tư nêu trên (trừ những nội dung đã được quy định cụ thể tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ) tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có văn bản quy phạm pháp luật khác thay thế.

(CV số 1938/BTC-TCT ngày 26/02/2021)

PHẦN II. MỘT SỐ LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 01/01/2021

1. Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019

Về hợp đồng lao động

- Bộ luật Lao động mới lần đầu tiên công nhận hợp đồng lao động được thực hiện dưới dạng điện tử.
- Thời gian thử việc tối đa có thể lên đến 180 ngày đối với công việc của người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Hiện tại, thời gian thử việc tối đa chỉ là 60 ngày.
- Người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động mà không cần lý do nhưng phải tuân theo yêu cầu thông báo trước.
- Người sử dụng lao động hiện có nhiều quyền hơn trong việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, ví dụ: với những nhân viên đã cung cấp sai thông tin khi giao kết hợp đồng lao động.
- Có thể giao kết nhiều hợp đồng lao động xác định thời hạn với người lao động nước ngoài. Điều này giải quyết được mâu thuẫn giữa quy định của pháp luật về việc:
 - + Phải giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với người lao động sau hai hợp đồng lao động xác định thời hạn liên tiếp; và
 - + thời hạn của hợp đồng lao động với người lao động nước ngoài phải tuân theo ngày hết hạn giấy phép lao động.

Về tiền lương

- Người sử dụng lao động không được hạn chế hoặc can thiệp vào quyền tự quyết chi tiêu tiền lương của người lao động và không được dùng vũ lực hoặc ép buộc người lao động chi tiền lương để mua hàng hóa, dịch vụ từ người sử dụng lao động.
- Trong trường hợp trả lương vào tài khoản ngân hàng của người lao động, người sử dụng lao động phải trả phí dịch vụ để mở tài khoản ngân hàng và chuyển tiền lương.
- Bộ luật Lao động mới bỏ quy định các thang, bảng lương phải được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, yêu cầu tham khảo ý kiến của "các tổ chức đại diện cho người lao động" về việc xây dựng thang, bảng lương và định mức lao động vẫn áp dụng.

Thời giờ làm việc và làm thêm giờ

- Thời gian làm thêm giờ tối đa cho phép hàng năm không thay đổi, tức là 200 giờ mỗi năm trong trường hợp bình thường và tối đa 300 giờ mỗi năm trong những trường hợp đặc biệt theo quy định của Bộ luật Lao động mới. Tuy nhiên, thời gian làm thêm tối đa cho phép trong một tháng tăng từ 30 giờ đến 40 giờ.
- Thêm một ngày nghỉ lễ khác (ngày trước hoặc sau Ngày Quốc khánh - ngày 2 tháng 9)

Giấy phép lao động

- Giấy phép lao động cho nhân viên nước ngoài chỉ có thể được gia hạn một lần, tối đa là hai năm.

Tuổi nghỉ hưu

- Từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường của người lao động là 60 năm ba tháng đối với nam và 55 tuổi bốn tháng đối với nữ.

- Tuổi nghỉ hưu sẽ được tăng lên hàng năm ba tháng đối với nam giới cho đến khi đạt 62 tuổi vào năm 2028 và 4 tháng đối với phụ nữ cho đến khi đủ 60 tuổi vào năm 2035.

Kỷ luật lao động

- Nội quy Lao động hiện phải bao gồm các nội dung sau (ngoài những nội dung bắt buộc hiện hành):
 - Phòng chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; và các thủ tục đối phó với quấy rối tình dục trong nơi làm việc;
 - Các trường hợp người sử dụng lao động có thể tạm thời chuyển một nhân viên sang làm việc khác với công việc đã thoả thuận trong Hợp đồng lao động.
 - Người có thẩm quyền áp dụng các hình phạt kỷ luật.
- Một doanh nghiệp có các chi nhánh ở các địa điểm khác nhau không bắt buộc phải đăng ký Nội quy lao động của mình với tất cả các cơ quan quản lý lao động địa phương nhưng chỉ phải gửi Nội quy lao động hợp lệ đã đăng ký cho các cơ quan đó.
- Bộ luật Lao động mới bổ sung quấy rối tình dục vào danh sách các hành vi bị sa thải với điều kiện là hành vi này quy định trong Nội quy lao động.

Công đoàn

Phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong Hiệp định CP-TPP và EVFTA, Bộ luật Lao động cho phép thành lập các tổ chức đại diện của người lao động không thuộc Tổng liên đoàn lao động Việt Nam. Theo đó, một tổ chức do nhân viên thành lập độc lập có thể đóng các vai trò tương tự như Công đoàn nội bộ trong việc đại diện cho nhân viên và bảo vệ quyền lợi của người lao động. Tuy nhiên, để được pháp luật công nhận, tổ chức phải có điều lệ và được đăng ký với các cơ quan hữu quan. Chính phủ sẽ quy định thêm hướng dẫn về vấn đề này.

2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 07/06/2020

Luật DN mới không thực hiện các thay đổi cơ bản, mà chủ yếu thay đổi cho đồng bộ quy định hiện hành các nội dung liên quan đến đăng ký, hoạt động, tái cơ cấu và giải thể doanh nghiệp. Một số điểm đáng chú ý bao gồm:

- Bỏ quy định về thông báo mẫu dấu doanh nghiệp trước khi sử dụng. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
- Việc đăng ký trực tuyến (qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia) và đăng ký trực tiếp có giá trị pháp lý như nhau. Quy định hiện hành sau khi nộp hồ sơ trực tuyến, các công ty cũng phải nộp hồ sơ bản cứng các tài liệu. Tuy nhiên, Luật DN mới không yêu cầu các thủ tục này.
- Thời hạn góp vốn điều lệ trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trường hợp đóng góp bằng hiện vật thì thời gian cần thiết để vận chuyển, nhập khẩu tài sản hoặc hoàn thành việc thay đổi quyền sở hữu không được tính như một phần của thời hạn 90 ngày.
- Thay đổi khái niệm doanh nghiệp nhà nước: Khái niệm doanh nghiệp nhà nước theo khoản 11 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều 88 Luật này. Theo Luật Doanh nghiệp 2014, doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
- Luật DN mới lần đầu tiên giới thiệu khái niệm “Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết”, cho phép chủ sở hữu chứng chỉ này trong Công ty cổ phần có đầy đủ lợi ích kinh tế tương ứng với số cổ phần đã lưu ký, nhưng không bao gồm quyền biểu quyết. Chính phủ sẽ cung cấp thêm các quy định hướng dẫn về “Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết”.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đại chúng không được kiêm nhiệm Giám đốc/Tổng giám đốc Công ty.
- Bỏ quy định Kiểm soát viên trong Công ty NN, Công ty đại chúng, trường ban kiểm soát trong công ty cổ phần phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Đối với Công ty NN, Công ty đại chúng,

kiểm soát viên còn không được là người có quan hệ gia đình với người quản lý của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn NN.

- Các cổ đông thiểu số trong Công ty cổ phần sẽ được bảo vệ tốt hơn. Ví dụ: Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên (thay vì 10% theo Luật DN hiện tại) của một công ty sẽ có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong một số trường hợp nhất định hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị thanh tra để điều tra một số vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty. (Các cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ 10% quyền biểu quyết trở lên có thể đề cử các ứng cử viên vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

3. Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020

Thay đổi danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành nghề cấm kinh doanh áp dụng cho cả nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài

Hoạt động đòi nợ thuê được đưa vào danh sách cấm kinh doanh.

Hiện nay, danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (nhà đầu tư phải đáp ứng các điều kiện khác nhau để thực hiện hoạt động này) gồm gần 270 ngành nghề. Theo Luật đầu tư mới, một số mục trong danh sách này được sửa đổi, kết hợp, loại bỏ hoặc thêm vào (dẫn đến danh sách rút ngắn còn 227 mục)

Các điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài

Luật đầu tư mới đưa ra khái niệm “các điều kiện tiếp cận thị trường áp dụng cho các nhà đầu tư nước ngoài”. Các điều kiện như vậy sẽ dựa trên:

- Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế;
- Hình thức đầu tư;
- Phạm vi hoạt động đầu tư;
- Năng lực của nhà đầu tư; đối tác tham gia thực hiện hoạt động đầu tư;
- Điều kiện khác theo quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Ngưỡng sở hữu nước ngoài mới cho mục đích thủ tục đầu tư

Điều 23 của Luật đầu tư hiện hành quy định rằng một công ty phải thực hiện các thủ tục đầu tư áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài để thành lập, góp vốn, mua cổ phần / vốn chủ sở hữu hoặc đầu tư theo BCC, nếu:

- a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;
- b) Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;
- c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Ngưỡng “trên 50%” này thay thế cho ngưỡng 51% theo quy định của luật cũ.

Ưu đãi đầu tư

Luật đầu tư mới bổ sung một số dự án và lĩnh vực kinh doanh mới vào danh mục được ưu đãi đầu tư, chẳng hạn như: dự án đầu tư khởi nghiệp, các trung tâm đổi mới sáng tạo/R & D, các hoạt động đầu tư hỗ trợ DNVVN, xây dựng nhà ở xã hội và giáo dục đại học.

Đối với các ưu đãi dựa trên quy mô đầu tư, để phù hợp với Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật đầu tư mới trường hợp ưu đãi đầu tư bao gồm dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời có một trong các tiêu chí sau: có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng mỗi năm trong thời gian chậm nhất sau 03 năm kể từ năm có doanh thu hoặc sử dụng trên 3.000 lao động.

Bảo đảm thực hiện dự án đầu tư

Bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ được bổ sung (bên cạnh việc ký quỹ như quy định hiện hành) như một hình thức mới của bảo đảm thực hiện dự án đầu tư khi được Chính phủ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

PHẦN III. TÓM LƯỢC CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY ĐÃ BAN HÀNH TRONG 6 CUỐI NĂM 2020

THUẾ GTGT

1. **Thuế GTGT đối với hàng hóa thuế DNCX gia công lại:** Quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa DNCX (đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13) với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu. Do đó, trường hợp doanh nghiệp nội địa ký kết hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài nhưng thuê DNCX gia công (thuê gia công lại) mà nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp nội địa cung cấp toàn bộ thì sản phẩm gia công khi nhập khẩu vào thị trường trong nước doanh nghiệp nội địa phải kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định. Trị giá tính thuế GTGT là tiền thuê gia công và các khoản điều chỉnh (nếu có) theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 39/2015/TT-BTC, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC. Không tính vào trị giá tính thuế sản phẩm sau gia công trị giá của vật tư, nguyên liệu mà doanh nghiệp nội địa đã đưa đi gia công tại DNCX theo hợp đồng gia công. ***(CV số 7897/TCHQ-TXNK ngày 16/12/2020)***

2. **Chính sách thuế đối với DNCX thanh lý TSCĐ:** trường hợp Công ty là doanh nghiệp chế xuất thực hiện thanh lý tài sản cố định theo hình thức bán vào thị trường nội địa thì Công ty được lựa chọn thực hiện theo quy định tại Điều 79 hoặc Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC (xuất nhập khẩu tại chỗ), cụ thể:

Trường hợp thực hiện theo Điều 79 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì khi bán vào nội địa Công ty liên hệ với cơ quan thuế nội địa để cơ quan thuế nội địa cấp 01 hóa đơn lẻ GTGT (theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính). Công ty sử dụng hóa đơn GTGT lẻ để xuất bán máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển được xác định bằng (=) số thuế GTGT ghi trên hóa đơn bán lẻ thanh lý máy móc, thiết bị phương tiện vận chuyển trừ (-) số thuế GTGT nộp ở khâu nhập khẩu khi chuyển đổi mục đích sử dụng;

Trường hợp thực hiện theo Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì Công ty phải có văn bản nêu rõ lý do thanh lý, hình thức thanh lý, biện pháp thanh lý, lượng hàng cần thanh lý gửi Chi cục Hải quan quản lý DNCX và đăng ký tờ khai theo loại hình tương ứng, doanh nghiệp nội địa sẽ làm thủ tục nhập khẩu, nộp các loại thuế theo quy định. Tại thời điểm bán, thanh lý vào thị trường nội địa không áp dụng chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trừ trường hợp hàng hóa thuộc diện quản lý theo điều kiện, tiêu chuẩn, kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện khi nhập khẩu; hàng hóa quản lý bằng giấy phép thì phải được cơ quan cấp phép nhập khẩu đồng ý bằng văn bản.

(CV số 109323/CTHN-TTHT ngày 23/12/2020 của Cục thuế Thành phố Hà Nội)

3. **Chính sách thuế GTGT:** Trường hợp Công ty thực hiện dịch vụ bóc tách khối lượng bản vẽ thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy, các bản vẽ thiết kế là bản mềm Autocad cho tổ chức ở nước ngoài, kết quả dịch vụ này được tiêu dùng ngoài Việt Nam và dịch vụ cung cấp không gắn với việc bán, phân phối, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa tại Việt Nam thì được xác định là dịch vụ xuất khẩu áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0% nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại tiết b Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC nêu trên. ***(CV số 103090/CTHN-TTHT ngày 30/11/2020 của Cục thuế Tp. Hà Nội)***

4. **Hóa đơn điện tử đ/v hoạt động xuất khẩu:** Trong thời gian từ ngày Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 được ban hành đến ngày 30/6/2022, các Nghị định: số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ vẫn còn hiệu lực thi hành.

Trong thời gian nêu trên, trường hợp cơ quan thuế chưa thông báo Công ty chuyển đổi để sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định 119/2018/NĐ-CP, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì Công ty vẫn áp dụng hóa đơn theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP. Nghị định số 04/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo đó: Trường hợp Công ty phát sinh hoạt động xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ ra nước ngoài thì Công ty sử dụng hóa đơn thương mại theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC.

(CV số 100449/CTHN-TTHT ngày 19/11/2020 của Cục thuế Tp. Hà Nội)

5. **Chính sách thuế GTGT đối với quà tặng:** Trường hợp Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có mua các sản phẩm vàng đã qua chế tác từ các cơ sở kinh doanh vàng bạc để khuyến mại cho khách hàng nhưng không đăng ký theo quy định của luật thương mại thì Công ty phải lập hóa đơn GTGT, trên hóa đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế GTGT như hàng hóa, dịch vụ dùng để biếu, tặng... khách hàng theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC với thuế suất thuế GTGT đối với vàng đã qua chế tác là 10%. ***(CV số 97740/CT-TTHT ngày 10/11/2020)***
6. **Chi phí được trừ:** Đối với khoản lãi tiền vay phát sinh tương ứng với số tiền vay ngân hàng để mua ô tô tính đến thời điểm đưa ô tô vào trạng thái sẵn sàng sử dụng được ghi nhận vào nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư 45/2013/TT-BTC; Đối với khoản lãi vay tương ứng với số tiền vay để mua ô tô phát sinh sau thời điểm ô tô đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng được tính vào chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC. ***(CV số 97749/CT-TTHT ngày 10/11/2020 của Cục thuế Tp. Hà Nội)***
7. **Kê khai thuế GTGT vắng lai ngoại tỉnh:** Trường hợp Công ty là nhà thầu chính có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng thi công xây dựng công trình tại tỉnh Long An và đã xuất hóa đơn GTGT cho chủ đầu tư đối với toàn bộ giá trị thi công theo hợp đồng thì Công ty phải khai và nộp thuế GTGT đối với hoạt động xây dựng vắng lai này tại tỉnh Long An theo quy định đối với toàn bộ giá trị công trình bàn giao chưa có thuế GTGT ký với chủ đầu tư. Số thuế đã nộp (theo chứng từ nộp tiền thuế) được trừ vào số thuế GTGT phải nộp theo tờ khai thuế GTGT của người nộp thuế tại trụ sở chính. ***(CV số 4601/TCT-KK ngày 29/10/2020)***
8. **Kê khai thuế hóa đơn bỏ sót:** Về nguyên tắc, người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai thuế đã nộp nhưng phải trước khi cơ quan thuế ban Quyết định thanh tra, kiểm tra. Trường hợp, cơ quan thuế đã ban hành Kết luận, Quyết định xử lý về thuế sau khi kiểm tra, thanh tra; nếu người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp và được kiểm tra, thanh tra (liên quan đến thời kỳ, phạm vi kiểm tra, thanh tra) còn sai sót thì người nộp thuế được tự khai bổ sung, điều chỉnh; việc xử lý căn cứ chế độ quy định và nguyên nhân khách quan, chủ quan của việc sai sót, chưa đúng phải điều chỉnh.

Trường hợp, người nộp thuế có một số hoá đơn GTGT đầu vào của năm 2017, 2018 còn sót chưa kê khai, khấu trừ tại Hồ sơ khai thuế GTGT đã nộp cho cơ quan thuế do tại thời điểm kê khai thuế, người nộp thuế chưa nhận được hoá đơn từ bên bán do chưa có chứng từ thanh toán), cơ quan thuế đã kiểm tra, thanh tra hồ sơ khai thuế GTGT của năm 2017, 2018 và xác nhận thực tế đơn vị chưa kê khai thuế GTGT đầu vào của những hoá đơn còn sót nêu trên và bên bán đã kê khai, nộp thuế các hoá đơn này theo quy định thì người nộp thuế được kê khai các hoá đơn GTGT đầu vào còn sót chưa kê khai.

(CV số 4160/TCT-CS ngày 02/10/2020)

9. **Hoạt động bán hàng vào KCX và nội địa theo điều kiện CIF:** Trường hợp khách hàng của Công ty đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp chế xuất thì hàng hóa được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Khoản 20 Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC.

Trường hợp Công ty mua hàng từ nhà cung cấp nước ngoài nhưng không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam mà bán lại cho khách hàng là doanh nghiệp nội địa Việt Nam (sau đây gọi là người mua) với điều kiện giao hàng tại cảng/sân bay Việt Nam (điều khoản giao hàng CIF Incoterm 2010) và người mua là người làm thủ tục nhập khẩu và nộp các khoản thuế liên quan (nếu có) ở khâu nhập khẩu thì hoạt động bán hàng hóa nêu trên không đủ điều kiện áp dụng thuế suất 0%. Công ty phải lập hóa đơn, tính và kê khai thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hóa cho khách hàng tại Việt Nam theo quy định.

Trường hợp người nộp thuế có chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu mang tên người nộp thuế và đáp ứng điều kiện về khấu trừ thuế GTGT thì người nộp thuế được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định.

(CV số 91495/CT-TTHT ngày 16/10/2020 của Cục thuế Tp. Hà Nội)

10. **Kê khai thuế GTGT:** Trường hợp Công ty có nhà máy sản xuất thủy điện tại địa phương khác nơi đóng trụ sở chính công ty, có phát sinh doanh thu thủy điện thì Công ty thực hiện kê khai thuế GTGT đối với các nhà máy thủy điện tại trụ sở chính và xác định riêng số thuế GTGT phát sinh phải nộp của từng nhà máy để nộp vào kho bạc địa phương nơi có nhà máy sản xuất thủy điện theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Thông tư số 156/2013/TT-BTC. Số thuế GTGT phát sinh phải nộp của hoạt động sản xuất thủy điện được xác định bằng số thuế GTGT đầu ra trừ (-) số thuế GTGT đầu vào của hoạt động sản

xuất thủy điện tương ứng của từng nhà máy. Số thuế GTGT đầu vào của các máy móc, vật tư và dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh cho các nhà máy thủy điện do Công ty mua và kê khai tại trụ sở chính nhưng chưa được khấu trừ, Công ty xác định riêng cho từng nhà máy thủy điện và bù trừ với số thuế GTGT đầu ra phát sinh của từng nhà máy vào các kỳ kê khai tiếp theo nếu đáp ứng điều kiện khấu trừ theo quy định. Đối với số thuế GTGT đầu vào liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp không tách riêng được, công ty thực hiện phân bổ cho từng nhà máy theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của ông nhà máy so với tổng doanh thu của Công ty trong kỳ tính thuế. **(CV số 4111/TCT-DNL ngày 30/09/2020)**

11. **Thuế GTGT đối với dịch vụ xuất khẩu:** Trường hợp Công ty thực hiện bản vẽ tranh đồ họa dưới dạng file dữ liệu điện tử PSD bằng phần mềm Photoshop (trên nền tảng từ bản phác thảo tranh chì do Công ty ở Nhật Bản cung cấp) và sau đó gửi qua phương tiện điện tử cho Công ty ở Nhật Bản thuộc trường hợp xuất khẩu dịch vụ, sản phẩm được sử dụng ngoài lãnh thổ Việt Nam (tiêu dùng ngoài Việt Nam) được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính và được khấu trừ, hoàn thuế nếu đáp ứng các điều kiện khấu trừ, hoàn thuế theo quy định. **(CV số 3705/TCT-CS ngày 08/09/2020)**

12. **Hàng hóa thuê DNCX gia công:** Trường hợp Công ty ký kết hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài nhưng thuê doanh nghiệp trong khu phi thuế quan gia công (thuê gia công lại) và xử lý như sau:

Trường hợp doanh nghiệp trong khu phi thuế quan gia công lại không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài (doanh nghiệp nội địa cung cấp toàn bộ nguyên liệu, linh kiện cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan) thì sản phẩm gia công khi nhập khẩu vào thị trường trong nước được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, khoản 1 Điều 22 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP và công văn số 6519/BTC-TCHQ ngày 19/5/2017 của Bộ Tài chính.

Trường hợp doanh nghiệp trong khu phi thuế quan gia công lại có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài thì sản phẩm gia công khi nhập khẩu vào thị trường trong nước phải kê khai, nộp thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP và điểm 2 công văn số 3018/TCHQ-TXNK ngày 11/5/2020 của Tổng cục Hải quan.

(CV số 5864/TCHQ-TXNK ngày 04/09/2020)

13. **Lập hóa đơn điện tử kèm bảng kê:** Hóa đơn điện tử bản chất là tập hợp các thông điệp dữ liệu điện tử về bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, được khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ và quản lý bằng phương tiện điện tử, số dòng có thể tăng lên tùy theo số lượng hàng hóa, sản phẩm có trên hóa đơn. Khi bán hàng hóa Công ty xuất hóa đơn điện tử cho khách hàng thì Công ty phải lập đầy đủ danh mục hàng hóa, dịch vụ bán ra đảm bảo nguyên tắc thông tin chứa trong hóa đơn điện tử có thể truy cập, sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết. Trường hợp Công ty lập hóa đơn điện tử không hiển thị đầy đủ danh mục hàng hóa, dịch vụ bán ra mà lại kèm theo bảng kê giấy cho khách hàng trong đó có những hàng hóa, dịch vụ không được hiển thị trên hóa đơn điện tử là không phù hợp theo quy định về hóa đơn điện tử. **(CV số 86123/CT-TTHT ngày 25/09/2020 của Cục thuế Tp. Hà Nội)**

14. **Lập hóa đơn khi sử dụng voucher mua hàng hóa:** Trường hợp Công ty có hợp đồng thỏa thuận với Công ty ABC về việc Công ty ABC phát hành voucher mua hàng tại Công ty theo đúng quy định của pháp luật để tặng khách hàng của Công ty ABC thì khi khách hàng sử dụng voucher để mua hàng của Công ty, Công ty có trách nhiệm lập hóa đơn giao cho khách hàng theo quy định. Nội dung trên hóa đơn phải thể hiện đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh; giá tính thuế GTGT trong trường hợp này là giá bán chưa có thuế GTGT của hàng hóa do Công ty bán ra theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC .

Trường hợp hàng tháng Công ty và Công ty ABC thực hiện đối soát dữ liệu, Công ty ABC thanh toán cho Công ty số tiền tương ứng với giá trị voucher mà khách hàng đã sử dụng để mua hàng tại Công ty thì khi nhận tiền Công ty cổ phần Megram không phải lập hóa đơn, lập chứng từ thu chi theo quy định.

(CV số 84841/CT-TTHT ngày 21/09/2020)

15. **Chính sách thuế đối với hoạt động xuất khẩu tại chỗ:**

Trường hợp Công ty xuất khẩu hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật và đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 9, Khoản 2 Điều 17 Thông tư 219/2013/TT-BTC thì thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Trường hợp Công ty không

có đủ một trong các thủ tục, hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Thông tư 219/2013/TT-BTC thì phải tính và nộp thuế GTGT như đối với hàng hóa tiêu thụ nội địa.

Trường hợp trong hợp đồng bán hàng hóa, thương nhân nước ngoài có chỉ định Công ty cung cấp dịch vụ kèm theo việc bán hàng hóa như dịch vụ lắp đặt, bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng...cho bên nhận hàng tại Việt Nam (dịch vụ được tiêu dùng tại Việt Nam) thì các dịch vụ này không thuộc dịch vụ xuất khẩu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC. Công ty lập hóa đơn GTGT với thuế suất thuế GTGT 10% đối với các dịch vụ này theo quy định.

Công ty phải khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; nếu Công ty không xác định theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà Công ty sản xuất, kinh doanh.

(CV số 81088/CT-THTT ngày 04/09/2020)

16. **Chính sách thuế GTGT:** Trường hợp Công ty Việt Nam (người bán) mua hàng hóa từ nhà cung cấp nước ngoài với điều kiện giao hàng tại cảng/sân bay Việt Nam nhưng không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam mà bán lại cho khách hàng là doanh nghiệp hoạt động, kinh doanh tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là người mua) với điều kiện giao hàng tại cảng/sân bay Việt Nam và người mua là người làm thủ tục hải quan nhập khẩu và nộp các khoản thuế liên quan (nếu có) ở khâu nhập khẩu thì hoạt động bán hàng hóa nêu trên không đủ điều kiện áp dụng thuế suất 0% và thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định, người bán phải lập hóa đơn, tính và kê khai thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hóa cho khách hàng Việt Nam theo quy định.

Đối với thuế GTGT đầu vào: Trường hợp người nộp thuế có chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu mang tên người nộp thuế và đáp ứng các điều kiện về khấu trừ thuế GTGT thì người nộp thuế được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định.

(CV số 3330/TCT-CS ngày 14/08/2020)

17. **Hoàn thuế GTGT dự án đầu tư:** Trường hợp Công ty có trụ sở tại tỉnh Bắc Ninh và do Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh trực tiếp quản lý, đang hoạt động, áp dụng phương pháp tính thuế GTGT khấu trừ. Công ty có dự án đầu tư mới tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty thành lập Chi nhánh tại Bà Rịa - Vũng Tàu với mục đích quản lý dự án đầu tư nêu trên, Chi nhánh đã đăng ký thuế tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đã được cấp mã số thuế nhưng quá trình thực hiện, Chi nhánh không trực tiếp quản lý dự án, mọi hợp đồng, hóa đơn đều do Công ty thực hiện và kê khai thuế GTGT đầu vào của dự án. Công ty lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT của dự án đầu tư trên tại Cục thuế tỉnh Bắc Ninh. ***(CV số 2841/TCT-KK ngày 15/07/2020)***

THUẾ TNDN

1. **Kê khai thuế của đơn vị phụ thuộc có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN:** Trường hợp Công ty (trụ sở chính tại Hà Nội) có thành lập đơn vị phụ thuộc là Nhà máy sản xuất tại tỉnh Hưng Yên, nhà máy đi vào hoạt động từ quý 4 năm 2020 thì việc kê khai, nộp các loại thuế phát sinh của đơn vị phụ thuộc từ quý 4 năm 2020 được thực hiện theo quy định tại Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2020), Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ (có hiệu lực thi hành từ ngày 05/12/2020).

Từ ngày 05/12/2020 (ngày Nghị định số 126/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), trường hợp đơn vị phụ thuộc có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định của pháp luật thuế TNDN thì đơn vị phụ thuộc khai thuế TNDN tại cơ quan thuế nơi có đơn vị phụ thuộc (tỉnh Hưng Yên) theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Về thủ tục thực hiện ưu đãi thuế TNDN: Đơn vị tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lần được trừ (-) vào thu nhập tính thuế để tự kê khai và tự quyết toán thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

(CV số 107998/CTHN-THTT ngày 17/12/2020 của Cục thuế Thành phố Hà Nội)

18. **Chuyển lỗ:** Trường hợp người nộp thuế vi phạm pháp luật thuế thuộc trường hợp ấn định thuế sẽ bị cơ quan thuế có thẩm quyền ấn định số thuế phải nộp hoặc ấn định các yếu tố liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp. Việc ấn định thuế là phương pháp xác định số thuế phải nộp hoặc xác định các yếu tố liên quan để xác định số thuế phải nộp.

Liên quan đến vấn đề chuyển lỗ đối với trường hợp người nộp thuế bị ấn định thuế, theo quy định về pháp luật thuế TNDN, trường hợp khi quyết toán thuế TNDN, người nộp thuế có số lỗ của các năm trước còn trong thời gian được chuyển lỗ theo quy định thì được chuyển lỗ sang những năm sau cho đến khi hết thời hạn được chuyển lỗ. Pháp luật về thuế TNDN và quản lý thuế chưa có quy định không được chuyển lỗ trong trường hợp người nộp thuế bị ấn định thuế.

(CV số 4819/TCT-PC ngày 12/11/2020)

2. **Chi phí đối với hàng hóa bị hỏa hoạn:** Trường hợp trong năm 2020 Công ty có hàng hóa bị tổn thất do hỏa hoạn, số hàng này đã được công ty mua bảo hiểm thì khoản chi phí liên quan đến phần giá trị hàng hóa tổn thất do hỏa hoạn sau khi trừ phần giá trị doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân khác phải bồi thường theo quy định của pháp luật nếu đáp ứng đủ các điều kiện về hồ sơ chứng từ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế.

Khoản tổn thất hàng hóa do bị hỏa hoạn không thuộc trường hợp trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính.

(CV số 90968/CT-TTHT ngày 14/10/2020 của Cục thuế Tp. Hà Nội)

3. **Chi phí tiền lương và chi phí khác do ảnh hưởng bởi dịch Covid:** Trường hợp Công ty có chi trả khoản tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công cho người lao động nghỉ trong thời gian giãn cách xã hội, thời gian chờ việc do ảnh hưởng của dịch Covid và các khoản chi khác có tính chất phúc lợi trực tiếp cho người lao động thì Công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với các khoản chi đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC) của Bộ Tài chính. **(CV số 89924/CT-TTHT ngày 09/10/2020)**

4. **Chính sách thuế TNDN:** Dự án đầu tư của Công ty thành lập năm 2016. Năm 2017 là năm đầu tiên dự án phát sinh doanh thu. Năm 2018, dự án đầu tư phát sinh thu nhập và hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện địa bàn khu công nghiệp (miễn 2 năm, giảm 50% trong 4 năm tiếp theo). Năm 2019 dự án được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thì dự án được lựa chọn chuyển tiếp hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển cho thời gian còn lại kể từ năm 2019.

Trong thời gian hoạt động, Công ty có bổ sung ngành nghề kinh doanh bất động sản (cho thuê nhà xưởng) hoặc sản xuất các sản phẩm khác chưa được Bộ Công thương xác nhận là sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thì Công ty phải tính riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi theo điều kiện công nghiệp hỗ trợ và thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác để xác định thuế TNDN phải nộp theo đúng quy định.

(CV số 3924/TCT-CS ngày 18/09/2020)

5. **Chính sách thuế nhà thầu:** trường hợp Công ty nhập khẩu hàng hóa từ nhà cung cấp nước ngoài tại Hàn Quốc (nhà thầu nước ngoài), không có cơ sở thường trú tại Việt Nam theo điều kiện giao hàng của các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms mà người bán chịu rủi ro liên quan đến hàng hóa vào đến lãnh thổ Việt Nam thì nhà thầu nước ngoài thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu tại Việt Nam. Trường hợp nhà thầu nước ngoài không đáp ứng được điều kiện về trực tiếp kê khai thuế tại Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Mục 2 Chương II Thông tư 103/2014/TT-BTC thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài, cụ thể:

Thuế GTGT: trường hợp trong hợp đồng tách riêng giá trị hàng hóa và giá trị dịch vụ khi xác định số thuế GTGT phải nộp thì giá trị hàng hóa chỉ phải chịu thuế GTGT khâu nhập khẩu theo quy định, phần giá trị dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT áp dụng tỷ lệ 5% trên doanh thu tính thuế đối với phần dịch vụ. Trường hợp hợp đồng không tách riêng được giá trị hàng hóa và giá trị dịch vụ thì áp dụng tỷ lệ 3% trên doanh thu tính thuế.

Thuế TNDN: trường hợp Công ty nước ngoài cung cấp hàng hóa theo điều khoản giao hàng DDU, nếu chỉ bao gồm dịch vụ vận chuyển đến địa điểm giao hàng mà không kèm theo các dịch vụ khác (như lắp đặt, chạy thử, bảo dưỡng...) tại Việt Nam thì áp dụng tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế là 1% trên toàn bộ giá trị hợp đồng đối với cả trường hợp có tách riêng hoặc không tách riêng được giá trị hàng hóa và giá trị dịch vụ.

(CV số 84844/CT-TTHT ngày 21/09/2020)

6. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt:

Trường hợp Công ty mua vé máy bay của một nhà cung cấp có giá trị dưới 20 triệu đồng, mua nhiều lần trong cùng ngày có tổng giá trị từ 20 triệu đồng trở lên nhưng thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt (công ty rút tiền từ tài khoản ngân hàng của công ty để chi tiền mặt cho nhân viên đi thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt) thì không đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào và không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. **(CV số 81425/CT-TTHT ngày 07/09/2020)**

7. Chính sách thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn: Trường hợp Công ty là tổ chức nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có phát sinh hoạt động chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp đã đầu tư của Công ty tại Công ty khác thì:

Hoạt động chuyển nhượng vốn thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC. Khi xuất hóa đơn, Công ty sử dụng hóa đơn GTGT, trên hóa đơn GTGT chỉ ghi dòng giá bán là giá thanh toán, dòng thuế suất, số thuế GTGT không ghi và gạch bỏ.

Trường hợp Công ty phát sinh thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế TNDN. Công ty có trách nhiệm xác định, kê khai số thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng vốn vào tờ khai quyết toán thuế TNDN theo năm và nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 78/2014/TT-BTC, Điều 8 Thông tư 96/2015/TT-BTC

(CV số 81419/CT-TTHT ngày 07/09/2020)

8. Áp dụng chính sách ưu đãi thuế:

Doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất tương ứng với một điều kiện ưu đãi hoặc theo điều kiện dự án đầu tư hoặc theo điều kiện thu nhập từ hoạt động chế biến thủy sản.

Trường hợp Công ty đã lựa chọn miễn thuế năm 2019 thì tiếp tục hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế và thuế suất ưu đãi theo điều kiện ưu đãi đối với dự án đầu tư tại địa bàn KTXH khó khăn nếu đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế TNDN.

Trường hợp nếu năm 2019, Công ty lựa chọn áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 10% đối với thu nhập từ chế biến thủy sản thì Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% từ năm 2019 cho đến hết thời gian hoạt động của dự án nếu đáp ứng điều kiện về chế biến thủy sản theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ.

(CV số 3059/TCT-CS ngày 03/08/2020)

9. Chính sách thuế TNDN đối với chi nhánh hạch toán phụ thuộc: Số thuế TNDN phát sinh thực tế tại các địa phương trong thời gian hưởng ưu đãi sẽ được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế tính riêng tại địa phương đó. Trường hợp doanh nghiệp có luân chuyển hàng hóa giữa các chi nhánh hạch toán phụ thuộc để tiếp nối chu trình sản xuất của doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải tính riêng thu nhập chịu thuế của chi nhánh được hưởng ưu đãi thuế TNDN, trong đó doanh thu để tính thuế không bao gồm doanh thu luân chuyển nội bộ của doanh nghiệp, việc ghi nhận chi phí được trừ phải tương ứng với doanh thu tính thuế.

Trong cùng kỳ tính thuế, doanh nghiệp có phát sinh hoạt động kinh doanh bị lỗ, hoạt động kinh doanh có thu nhập thì việc bù trừ vào thu nhập chịu thuế của hoạt động có thu nhập thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 9 Điều 18 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014

(CV số 2756/TCT-CS ngày 07/07/2020)

THUẾ TNCN

1. Thuế TNCN đối với hoạt động cho thuê nhà của cá nhân không cư trú

Trường hợp cá nhân không cư trú có tài sản cho thuê tại Việt Nam thì thuộc diện điều chỉnh của pháp luật thuế GTGT, thuế TNCN và lệ phí môn bài như đối với cá nhân cư trú. Cá nhân thực hiện việc khai thuế, nộp thuế theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh. Riêng đối với lệ phí môn bài người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai lệ phí môn bài, cơ quan thuế căn cứ hồ sơ khai thuế, cơ sở dữ liệu quản lý thuế để xác định và thông báo mức lệ phí môn bài phải nộp hằng năm cho người nộp thuế.

(CV số 5265/TCT-DNNCN ngày 11/12/2020)

2. [Thuế TNCN đối với khoản chi phí cách ly phòng chống dịch Covid-19](#)

Ngày 26/11/2020, Tổng cục thuế có văn bản số 5032/TCT-CS hướng dẫn khác với trả lời của Cục thuế Bắc Ninh. Theo Công văn 5032/TCT-CS, trường hợp người lao động nước ngoài được Công ty chi trả khoản chi phí cách ly phòng chống dịch Covid-19 khi nhập cảnh vào Việt Nam thì khoản chi này là lợi ích được hưởng của người lao động. Do đó, khoản chi nêu trên được tính vào thu nhập chịu thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động.

3. [Xác định tiền thuê nhà chịu thuế TNCN](#)

Trường hợp người lao động là cá nhân không cư trú được Công ty tại Việt Nam trả hộ tiền thuê nhà thì tiền thuê nhà tính vào thu nhập chịu thuế TNCN theo số thực tế trả hộ nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam (chưa bao gồm tiền thuê nhà thực tế phát sinh, "tiền nhà giả định" (nếu có)) theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 và Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC .

Trường hợp người lao động là cá nhân cư trú được Công ty tại Việt Nam trả hộ tiền thuê nhà thì tiền thuê nhà tính vào thu nhập chịu thuế TNCN theo số thực tế trả hộ nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam (chưa bao gồm tiền thuê nhà thực tế phát sinh, "tiền nhà giả định" (nếu có)) theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 và Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC. Tổng thu nhập chịu thuế của người lao động (là cá nhân cư trú) là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập quy định tại Điều 1 Thông tư 111/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi tại Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC)

(CV số 102753/CTHN-TTHT ngày 27/11/2020 của Cục thuế Tp. Hà Nội)

4. [Đăng ký người phụ thuộc:](#) Trường hợp người nộp thuế đăng ký người phụ thuộc là cháu ruột (bố mẹ còn sống và có đủ khả năng nuôi dưỡng) không thuộc trường hợp cá nhân không nơi nương tựa mà người nộp thuế đang phải trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật thì không thuộc đối tượng được giảm trừ gia cảnh khi tính thuế TNCN theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ***(CV số 96961/CT-TTHT 06/11/2020)***

5. [Thuế TNCN từ chuyển nhượng vốn góp:](#) Trường hợp các thành viên của Công ty (là cá nhân cư trú) chuyển nhượng vốn góp trong Công ty thì các cá nhân chuyển nhượng vốn thực hiện khai thuế TNCN theo hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC (không phân biệt có hay không phát sinh thu nhập).

Trường hợp Công ty làm thủ tục thay đổi danh sách thành viên góp vốn mà không có chứng từ chứng minh cá nhân chuyển nhượng vốn đã hoàn thành nghĩa vụ thuế thì Công ty có trách nhiệm khai thuế, nộp thuế thay cho cá nhân.

Việc kê khai thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn góp thực hiện theo mẫu 04/CNV-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC .

(CV số 96163/CT-TTHT ngày 03/11/2020 của Cục thuế Tp. Hà Nội)

6. [Thuế TNCN đối với chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:](#) Trường hợp các cá nhân có phát sinh hoạt động chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu thì thu nhập từ chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng. Giá chuyển nhượng được xác định theo hướng dẫn tại điểm a.1.2 Điều 16 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 ***(CV số 91820/CT-TTHT ngày 19/10/2020 của Cục thuế Tp. Hà Nội)***

7. [Chính sách giảm trừ gia cảnh cho người nước ngoài:](#) Trường hợp cá nhân người nộp thuế là chuyên gia người nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam là cá nhân cư trú khi quyết toán thuế năm đầu tiên (từ tháng 07/2019 đến tháng 06/2020) thì thời gian từ tháng 07/2019 đến tháng 12/2019 áp dụng mức gia cảnh 9trđ/tháng (cho bản thân) và 3.6trđ/tháng (người phụ thuộc), từ tháng 01/2020 đến tháng 06/2020 thì áp dụng mức mới là 11trđ/tháng (cho bản thân) và 4.4trđ/tháng (người phụ thuộc). ***(CV số 4590/TCT-DNNCN ngày 28/10/2020)***

8. [Chính sách thuế TNCN:](#) Trường hợp cán bộ công đoàn chuyên trách đồng thời giữ chức vụ Chủ tịch công đoàn tại Công ty nhận được khoản tiền lương do thực hiện các công việc tại tổ chức công đoàn (không bao gồm các khoản phụ cấp kiêm nhiệm và phụ cấp trách nhiệm) thì khoản tiền lương này là khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công.

Trường hợp người lao động của Công ty nhận được khoản hỗ trợ tiền thuê nhà trọ của công đoàn công ty do chịu ảnh hưởng của dịch Covid -19 thì khoản hỗ trợ này là khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công.

(CV số 3845/TCT-DNNCN ngày 15/09/2020)

9. Các vấn đề thuế TNCN

Về việc xác định tình trạng cư trú: Trường hợp cá nhân người nước ngoài nếu đáp ứng một trong các điều kiện có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam (ngày đến và ngày đi được căn cứ vào chứng thực của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trên hộ chiếu (hoặc giấy thông hành) của cá nhân khi đến và khi rời Việt Nam) hoặc có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư 111/2013/TT-BTC thì cá nhân thuộc đối tượng cư trú tại Việt Nam.

Về việc xác định thu nhập chịu thuế: Các cá nhân phát sinh thu nhập từ tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền hoặc nhận các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng dưới mọi hình thức thì tính vào thu nhập chịu thuế TNCN tại Việt Nam theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC .

(CV số 85111/CT-TTHT ngày 22/09/2020 của Cục thuế Tp. Hà Nội)

- 10. Thuế TNCN đối với hoạt động chia lợi nhuận chưa phân phối để góp vốn:** Trường hợp cá nhân phát sinh thu nhập từ lợi tức ghi tăng vốn tại Công ty theo hướng dẫn tại Điểm g Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC thì tại thời điểm ghi tăng vốn, cá nhân chưa phải khai thuế TNCN đối với hoạt động đầu tư vốn. Khi chuyển nhượng vốn, rút vốn, giải thể doanh nghiệp cá nhân khai và nộp thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn và thu nhập từ đầu tư vốn theo hướng dẫn tại Khoản 9 Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ***(CV số 81907/CT-TTHT ngày 09/09/2020 của Cục thuế Tp. Hà Nội)***

11. Xác định tình trạng cư trú:

Trường hợp cá nhân là người nước ngoài đến Việt Nam đáp ứng một trong các điều kiện: có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam hoặc có nơi ở thường xuyên theo quy định của pháp luật cư trú hoặc cá nhân thuê để ở với thời hạn của các hợp đồng thuê tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế thì xác định là cá nhân cư trú.

Trường hợp cá nhân có nhà ở thường xuyên tại Việt Nam nhưng thực tế có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế mà cá nhân không chứng minh được là cá nhân cư trú của nước nào thì cá nhân đó là cá nhân cư trú tại Việt Nam.

(CV số 2881/TCT-DNNCN ngày 20/07/2020)